

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiết năm 2025 của
Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 3252/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thư thỏa thuận số: LOA-2023-Bình Định DPI-47 ngày 06/10/2023 giữa Chương trình Phát triển Liên hợp quốc và Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3840/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch chi tiết năm 2023 của Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản ngày 20/12/2024 của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc về việc đồng thuận với Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) năm 2025 tại tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 146/TTr-SKHĐT ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch chi tiết năm 2025 của dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định, với các nội dung cơ bản sau:

1. Tên dự án tiếng Việt: Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định.

2. Tên dự án tiếng Anh: Korea - Viet Nam Peace Village Project in Binh Dinh Province.

3. Tên viết tắt: KVPVP Bình Định.

4. Cơ quan chủ quản: UBND tỉnh Bình Định.

5. Chủ đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định.

6. Đơn vị thực hiện: Ban Quản lý dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định.

7. Nhà tài trợ: Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) thông qua Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP).

8. Nội dung Kế hoạch năm 2025

Nội dung hoạt động dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Tổng cộng (triệu đồng)	Trong đó:		
		Vốn ODA cấp phát (Viện trợ không hoàn lại)		Vốn đối ứng (triệu đồng)
		USD	Quy đổi sang triệu đồng	
Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ	2.550		2.550	0
Hoạt động: Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ toàn diện cho nạn nhân sống sót sau tai nạn bom mìn	2.550		2.550	0
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án	2.277		2.277	0
Hoạt động: Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với BĐKH (năm 2024 chuyển sang)	2.277		2.277	0

Nội dung hoạt động dự án/ kế hoạch thực hiện dự án	Tổng cộng (triệu đồng)	Trong đó:		
		Vốn ODA cấp phát (Viện trợ không hoàn lại)		Vốn đối ứng (triệu đồng)
		USD	Quy đổi sang triệu đồng	
Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực mục tiêu bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt với biến đổi khí hậu thông qua dự án xây nhà ở và trạm y tế xã chống bão lũ	12.964		9.828	3.136
Hoạt động: Thiết lập hồ sơ rủi ro và bản đồ các khu vực mục tiêu, đồng thời xác định đối tượng hưởng lợi	34		34	0
Hoạt động: Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa trạm y tế (TYT) xã chống bão, lũ và thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH) ở các khu vực mục tiêu	12.930		9.794	3.136
Hợp phần 4: Chi phí quản lý dự án	600		0	600
Chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP	784		784	0
Điều phối viên dự án tỉnh	336		336	0
Kế toán dự án	156		156	0
Phiên dịch	132		132	0
Chi phí phục vụ hoạt động của BQLDA	160		160	0
Tổng cộng:	19.175		15.439	3.736

(Có phụ lục Kế hoạch chi tiết năm 2025 kèm theo)

Điều 2. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ban Quản lý dự án KVPVP tại tỉnh Bình Định triển khai thực hiện hoàn thành nhiệm vụ các hoạt động của Dự án đảm bảo đúng quy định; báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện dự án theo quy định; đồng thời quản lý, sử dụng và thanh quyết toán chế độ tài chính theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ban Quản lý dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) tại tỉnh Bình Định; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Tuy Phước, Vân Canh, thị xã Hoài Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UNDP;
- Sở Ngoại vụ;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K10

llh



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung Hợp phần dự án/ Kế hoạch thực hiện dự án	Mã hoạt động	Địa điểm thực hiện	Tổng cộng	Trong đó		Nguồn vốn thực hiện		Thời gian thực hiện dự kiến				Các đầu ra, kết quả dự kiến	Ghi chú
				Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Vốn viện trợ (ODA)	Vốn đối ứng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
Hợp phần 1: Cung cấp dịch vụ y tế toàn diện cho nạn nhân bom mìn sau tai nạn do vật liệu nổ □			2.550,00	2.550,00	-	2.550,00	-						
Hoạt động 1.2.3. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ toàn diện cho nạn nhân sống sót sau tai nạn bom mìn	1.2.3.1		2.550,00	2.550,00	-	2.550,00	-						
Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về y tế và sinh kế cho nạn nhân sống sót sau tai nạn bom mìn cho các đối tượng đã được rà soát cập nhật thông tin trong năm 2024		Hoài Nhơn, Hoài Ân, Tây Sơn, Tuy Phước và Văn Canh	2.550,00	2.550,00		2.550,00		x	x	x	x	82 nạn nhân bom mìn sẽ được hỗ trợ về y tế và sinh kế	
Hợp phần 2: Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu cho người dân ở các khu vực trong vùng Dự án			2.277,00	2.277,00	-	2.277,00	-						
Hoạt động 2.1.1 Hỗ trợ nông dân triển khai, mở rộng và thực hành canh tác thích ứng với BĐKH (năm 2024 chuyển sang)			2.277,00	2.277,00	-	2.277,00	-	x	x	x			Thực hiện 01 Hoạt động 2,1,1 của năm 2024 chuyển sang (đã khấu trừ số tiền đã tạm ứng trong năm 2024)
Hợp phần 3: Tăng cường khả năng thích ứng cho người dân ở các khu vực vùng Dự án bằng cách xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng tốt thông qua Dự án xây nhà ở và trạm y tế xã chống bão lụt			12.964,00	9.828,00	3.136,00	9.828,00	3.136,00						
2.2.1 Thiết lập hồ sơ rủi ro và bản đồ các khu vực mục tiêu, đồng thời xác định đối tượng hưởng lợi	2.2.1		34,00	34,00	-	34,00	-						
Chi phí đi lại		13 xã thuộc 5 huyện thị xã vùng Dự án (Trừ Phước Thành)	34,00	34,00	-	34,00	-	x	x				Xác định quy mô và phương án xây dựng đơn nguyên TYT
2.2.2 Thiết kế và xây dựng nhà ở chống chịu bão, lụt ở các khu vực mục tiêu	2.2.2		-	-	-	-	-						Đã hoàn thành Hoạt động này trong năm 2023 và 2024
Hỗ trợ xây dựng nhà ở phòng tránh bão lụt cho hộ dân			-	-	-	-	-						
2.2.3. Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa trạm y tế (TYT) xã chống bão, lũ và thích ứng biến đổi khí hậu (BĐKH) ở các khu vực mục tiêu	2.2.3		12.930,00	9.794,00	3.136,00	9.794,00	3.136,00						
Xây dựng mới đơn nguyên TYT xã chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu vực vùng Dự án (năm 2024)		TT Văn Canh, Canh Hòa, Canh Hiệp, Hoài Phú, Hoài Thanh Tây, Đăk Mang	1.594,00	1.594,00	-	1.594,00	-	x	x				Chi phí Xây dựng của năm 2024 chuyển sang 2,530 triệu - tạm ứng 936 triệu
Mua sắm một số trang thiết bị, vật dụng cho việc đảm bảo duy trì cung cấp dịch vụ khi xảy ra lũ lụt, thiên tai (năm 2024)			360,00	360,00	-	360,00	-	x	x				Chi phí Thiết bị của năm 2024 chuyển sang
Xây dựng mới đơn nguyên TYT xã chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu ở các khu vực vùng Dự án		Thị trấn An Lão, An Toàn, An Trung, Hoài Đức, Hoài Thanh, Ân Phong, Ân Tường Đông, Tây Vinh, Tây Xuân, Tây Giang, Bình Nghi, Canh Vinh, Canh Liên	8.792,00	6.280,00	2.512,00	6.280,00	2.512,00		x	x	x	Hỗ trợ xây dựng mới 13 đơn nguyên chống chịu bão lụt cho 8 TYT xã nhằm nâng cao năng lực KCB cho các TYT	
Mua sắm một số trang thiết bị, vật dụng cho việc đảm bảo duy trì cung cấp dịch vụ khi xảy ra lũ lụt, thiên tai			2.184,00	1.560,00	624,00	1.560,00	624,00		x	x	x	Hỗ trợ thiết bị cho 13 TYT xã nhằm nâng cao năng lực KCB cho các TYT	
Hợp phần 4: Chi phí quản lý dự án			600,00	-	600,00	-	600,00						
Chi phí theo yêu cầu của KOICA và UNDP			784,00	784,00	-	784,00	-						
1 Điều phối viên dự án tỉnh (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN)	PMC		336,00	336,00	-	336,00	-	x	x	x	x		
1 Kế toán (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN)	PMC		156,00	156,00	-	156,00	-	x	x	x	x		
1 Phiên dịch (bao gồm BHXH, BHYT, BHTN)	PMC		132,00	132,00	-	132,00	-	x	x	x	x		
Chi phục vụ hoạt động Ban QLDA	PMC		160,00	160,00	-	160,00	-	x	x	x	x		
Tổng cộng			19.175,00	15.439,00	3.736,00	15.439,00	3.736,00						